| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ PHƯỚC LONG**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC**<br>Bản án số: **35/**HNGĐ-ST<br>Ngày 28/9/2020<br>*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hà Xuân Thuấn
Ông Điểu Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐ-HPT ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc G**, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.
*Bị đơn*: Anh **Nguyễn Duy Đ**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố T, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Duy Đ đã tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2015 ngày 24/8/2015. Trong quá trình chung sống, hôn nhân phát sinh những mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống hôn

nhân không hạnh phúc. Xét thấy mục đích hôn nhân không còn, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống, chị G và anh Đ có 01 người con chung là: Nguyễn Đình Trọng, sinh ngày 12/01/2014, chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi, chị G không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy Đ:***

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Duy Đ đã được Tòa án thông báo nhưng anh Đ không hợp tác để giải quyết vụ việc. Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do; căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

***Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát***:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", các đương sự có địa chỉ tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

**Về nội dung:**

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị G và anh Đ kết hôn tự nguyện, có đăng kí kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị G và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị G không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, do anh Nguyễn Duy Đ vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ anh Nguyễn Duy Đ đã từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án hòa giải và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm giữa chị G và anh Đ không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị G đối với bị đơn anh Đ.

[3] Về con chung: Hiện con chung của chị G và anh Đ là Nguyễn Đình T, sinh ngày 12/01/2014 đang chung sống cùng chị G. Chị G có nguyện vọng được nuôi con, có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên cần giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình.

Chị G không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị G và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí -lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

*Tuyên xử:*

[1].*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ.

[2]. *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 12/01/2014 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

[3] *Về án phí*: Chị G phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006851 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

*"Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**NGUYỄN THỊ MINH NGHĨA**